

XÁC ĐỊNH BỘ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG QUY HOẠCH TỈNH CÓ TÍNH ĐẾN MỐI LIÊN KẾT VÙNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Vũ Lệ Hà¹, Nguyễn Cao Huân², Thái Thị Quỳnh Như³

TÓM TẮT

Hiện nay, các địa phương cấp tỉnh đang xây dựng quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên nguyên tắc quy hoạch của tất cả các ngành, các địa phương thuộc tỉnh được tích hợp trên một bản quy hoạch, trong đó quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ) phải thể hiện được nhu cầu sử dụng đất (SDĐ) của mọi hoạt động trên địa bàn toàn tỉnh. Trong phương án QHSDĐ được xây dựng, mặc dù phân vùng chức năng SDĐ theo không gian và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) đến SDĐ đã được đề cập, tuy nhiên chưa rõ về cơ sở lý luận và phương pháp luận dẫn đến chưa đảm bảo tính liên kết trong SDĐ, chưa phát huy được thế mạnh cũng như đảm bảo sự phát triển hài hòa, bền vững giữa các vùng trong bối cảnh BĐKH. Kết quả nghiên cứu này tập trung vào việc hoàn thiện bộ chỉ tiêu QHSDĐ trong quy hoạch tỉnh đối với vùng đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) dưới góc nhìn của liên kết vùng (LKV) và BĐKH. Đã sử dụng phương pháp Delphi là một kỹ thuật được sử dụng khi muốn dự đoán về một vấn đề cụ thể trong tương lai hay ra quyết định, tạo điều kiện để xây dựng sự đồng thuận trong nhóm và nâng cao tính sáng tạo của nhóm làm việc. Trong khuôn khổ bài báo, phương pháp Delphi sử dụng để lấy ý kiến của các chuyên gia về bộ chỉ tiêu SDĐ trong quy hoạch. Bộ chỉ tiêu được xây dựng dựa trên 3 tiêu chí: (i) tiêu chí tự nhiên, kinh tế - xã hội với 24 chỉ tiêu mục đích SDĐ; (ii) tiêu chí LKV gồm 8 chỉ tiêu phân khu chức năng; (iii) tiêu chí thích ứng với BĐKH gồm 6 chỉ tiêu khu vực thích ứng BĐKH.

Từ khóa: *Chỉ tiêu sử dụng đất, liên kết vùng, biến đổi khí hậu, đồng bằng sông Hồng.*

1. BẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ) của Việt Nam chủ yếu tập trung đến việc phân bổ các loại đất. Mặc dù phân vùng chức năng sử dụng đất (SDĐ) theo không gian đã được đề cập, tuy nhiên chưa rõ về cơ sở lý luận và phương pháp luận dẫn đến chưa đảm bảo tính liên kết trong SDĐ, chưa phát huy được thế mạnh cũng như đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa các vùng. Cho đến nay pháp luật về đất đai vẫn chưa có quy định hướng dẫn chi tiết về liên kết giữa các địa phương trong QHSDĐ; việc liên kết vùng (LKV) trong QHSDĐ cũng chưa được đề cập như một nội dung bắt buộc trong việc đánh giá và lập các quy hoạch. Luật Đất đai 2013, quy định “QHSDĐ cấp Quốc gia phải bảo đảm tính đặc thù, liên kết của

các vùng kinh tế - xã hội; QHSDĐ cấp huyện phải thể hiện nội dung SDĐ của cấp xã” [4] mà chưa xác định LKV trong QHSDĐ cấp tỉnh. Cùng với đó, phân bổ không gian SDĐ thiếu thống nhất giữa các tỉnh, vùng; thiếu tính liên kết ngay từ khâu xác định mục tiêu ưu tiên quỹ đất cho phát triển dẫn đến tình trạng SDĐ dàn trải cho cùng một mục đích sử dụng (các khu công nghiệp, đất xây dựng khu sân bay, cảng biển,...), gây ra tình trạng SDĐ lãng phí, kém hiệu quả và có sự chồng lấn, tranh chấp về nguồn lực đất đai giữa các mục tiêu phát triển.

Biến đổi khí hậu là hiện tượng tự nhiên đang xảy ra ở quy mô toàn cầu, khu vực và từng quốc gia, trong đó có Việt Nam. Biến đổi khí hậu (BĐKH) có những tác động tiềm tàng (kể cả tích cực và tiêu cực) đến các lĩnh vực, khu vực và các cộng đồng khác nhau, trong đó có việc sử dụng tài nguyên đất. Dưới tác động của BĐKH, đất nông nghiệp có thể bị giảm dần (do ngập úng, do sa mạc hóa, nhiễm mặn...). Đối với đất phi nông nghiệp, BĐKH gây ra các hiện tượng bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn gây khó khăn trong việc SDĐ ở, đất khu công nghiệp, đất giao

¹ Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
Email: vlha.qldd@hunre.edu.vn

² Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: huannc52@gmail.com

³ Tổng cục Quản lý đất đai, Bộ Tài nguyên và Môi trường
Email: ttqnhu@gdla.gov.vn

thông, đất thủy lợi, y tế,... và khó khăn trong quá trình xây dựng các công trình. Chính vì vậy, khi xây dựng các phương án QHSDĐ cần được lồng ghép với các chỉ tiêu về BĐKH, cần nghiên cứu, khoanh định rõ trên bản đồ QHSDĐ các khu vực sẽ bị ảnh hưởng bởi BĐKH; đề xuất phương án SDD cụ thể cho từng vùng, từng khu vực, từng khoanh đất phù hợp trong điều kiện BĐKH. Có thể thấy rằng, cần thiết phải thực hiện tích hợp, lồng ghép các yếu tố LKV và BĐKH trong QHSDĐ một cách thống nhất. Một hệ thống chỉ tiêu SDD thể hiện đầy đủ nội dung tích hợp và lồng ghép các yếu tố LKV và BĐKH, đảm bảo sử dụng tài nguyên đất một cách bền vững là rất cần thiết.

Delphi là một kỹ thuật được phát triển bởi Dalkey và Helmer (1963) tại Rand Corporation vào những năm 1950, kỹ thuật này được áp dụng rộng rãi dùng để thu thập dữ liệu từ nhóm chuyên gia hoạt động. Hiện nay kỹ thuật Delphi đặc biệt được sử dụng khi muốn dự đoán về một vấn đề cụ thể trong tương lai hay ra quyết định. Ngoài ra kỹ thuật này còn tạo điều kiện để xây dựng sự đồng thuận trong nhóm và nâng cao tính sáng tạo của nhóm làm việc. Trong khuôn khổ nghiên cứu, đã sử dụng phương pháp Delphi nhằm lấy ý kiến của các chuyên gia về bộ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch.

Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) là vùng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các tỉnh, thành phố vùng ĐBSH có nhiều điểm chung về địa hình, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên... nên có tiềm năng để thúc đẩy LKV trong SDD nhằm phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay.

Nghiên cứu này đã sử dụng bộ số liệu điều tra và bảng các phương pháp nghiên cứu phù hợp nhằm đề xuất bộ chỉ tiêu SDD trong quy hoạch tỉnh cho các tỉnh vùng ĐBSH có tính đến mỗi LKV và biến đổi khí hậu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Phương pháp thu thập tài liệu, số liệu thứ cấp:* Thu thập các tài liệu, số liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu như báo cáo thống kê, bài báo, văn bản pháp luật... Các phương pháp khảo sát và điều tra

thực địa nhằm thu thập, bổ sung, cập nhật và đánh giá lại các số liệu tại các khu vực, tuyến, điểm nghiên cứu được lựa chọn để xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đặc điểm điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, QHSDĐ...

- *Phương pháp thống kê và xử lý số liệu:* Sau khi có số liệu điều tra, tiến hành xử lý số liệu thông qua phần mềm Excel và SPSS, hiệu chỉnh độ tin cậy của số liệu, thống kê thành các bảng biểu, chỉ tiêu và tiêu chí phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

- *Phương pháp phân tích, đánh giá:* Phân tích, đánh giá số liệu, thông tin thu thập được. Từ đó đề xuất bộ chỉ tiêu SDD trong quy hoạch tỉnh cho các tỉnh vùng ĐBSH có tính đến mỗi LKV và BĐKH.

- *Phương pháp Delphi:* Phương pháp Delphi được sử dụng để đạt được sự đồng thuận về một vấn đề nào đó dưới ý kiến của các chuyên gia thông qua bảng hỏi [5]. Các nhóm chuyên gia bao gồm 3 nhóm: Nhóm 1: Các chuyên gia cấp trung ương; nhóm 2: Các chuyên gia cấp tỉnh; nhóm 3: Các giảng viên, nghiên cứu viên trong lĩnh vực quy hoạch.

Quy trình thực hiện gồm 2 vòng:

* Delphi vòng 1: Qua tham khảo, đã xây dựng bảng hỏi cho cuộc điều tra Delphi vòng 1, dựa vào các nhóm tiêu chí về tự nhiên, kinh tế - xã hội, BĐKH, LKV. Bảng câu hỏi vòng 1 được gửi đến từng chuyên gia nhằm tập hợp ý kiến của các chuyên gia xác định các tiêu chí QHSDĐ quan trọng nhất. Kết thúc vòng 1 đã lấy được ý kiến của 30 chuyên gia.

* Delphi vòng 2: Bảng câu hỏi trong Delphi vòng 2 được xây dựng dựa trên kết quả phỏng vấn từ Delphi vòng 1, với nguyên tắc lấy các đáp án được lựa chọn nhiều nhất trong vòng 1. Bảng câu hỏi của vòng 2 cùng với bản tóm tắt kết quả Delphi vòng 1 được gửi đến các chuyên gia đã tham gia trả lời Delphi vòng 1.

Các bước thực hiện điều tra và phân tích trong chu trình Delphi áp dụng xây dựng bảng chỉ tiêu SDD trong quy hoạch tỉnh

<i>Bước 1:</i> Xây dựng cơ sở lý luận và xác định các nhóm đối tượng có liên quan đến việc xác định các chỉ tiêu SDD trong quy hoạch tỉnh.	→	<i>Bước 2:</i> Lựa chọn các chuyên gia tham gia vào cuộc điều tra Delphi. Số lượng các chuyên gia từ 20 - 25 người và mỗi nhóm đối tượng có ít nhất 3 người tham gia.
<i>Bước 3:</i> Xây dựng bảng câu hỏi, kiểm tra và chỉnh sửa lại, cho hoàn chỉnh.	→	<i>Bước 4:</i> Bảng câu hỏi chính thức cho vòng 1 được gửi đến các chuyên gia.
<i>Bước 5:</i> Vòng 1 phân tích, tổng hợp lại thành một báo cáo tóm tắt, xây dựng bảng câu hỏi cho vòng 2.	→	<i>Bước 6:</i> Câu hỏi vòng 2 cùng báo cáo tóm tắt kết quả vòng 1 được gửi trở lại đến các chuyên gia.
<i>Bước 7:</i> Phân tích số liệu điều tra Delphi vòng 2. Tính điểm số trung bình, độ lệch chuẩn, phân tích thống kê để đánh giá mức độ đồng thuận của các chuyên gia (hệ số Kendall).	→	<i>Bước 8:</i> Tóm tắt kết quả từ cuộc điều tra Delphi.

Điều tra Delphi vòng 2 nhằm thu thập điểm số của các chuyên gia để từ đó tính toán điểm số trung bình, độ lệch chuẩn và đánh giá mức độ đồng thuận của các chuyên gia của cuộc điều tra Delphi. Tỷ lệ số người trả lời của Delphi vòng 2 phải đạt 70% số người trả lời vòng 1 nhằm đảm bảo chặt chẽ kết quả điều tra. Nếu kết quả kiểm tra cho thấy có một số đồng thuận mạnh mẽ hoặc rất mạnh giữa các chuyên gia thì quá trình Delphi kết thúc sau 2 vòng điều tra.

Điểm số trung bình, độ lệch chuẩn, tứ phân vị được tính cho mỗi câu. Độ tin cậy vào mức độ thỏa thuận được đánh giá bằng hệ số Kendall (W) nằm trong khoảng từ 0 đến 1. Hệ số này là thước đo mức độ đồng thuận đạt được và mức độ tin tưởng (Schmidt, 1997) [6].

Bảng 1. Mức độ đồng thuận và mức độ tin cậy liên quan với hệ số Kendall's(W)

Kendall's W	Mức độ đồng thuận	Mức độ tin cậy
0,0 – 0,1	Rất yếu	Không
0,1 – 0,3	Yếu	Thấp
0,3 – 0,5	Trung bình	Bình thường
0,5 – 0,7	Mạnh	Cao
0,7 – 1,0	Rất mạnh	Rất cao

(Nguồn: Schmidt, 1997) [6]

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đánh giá chung về ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến QHSDĐ vùng ĐBSH

3.1.1. Thuận lợi

- Về điều kiện tự nhiên của vùng trong sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất

Vùng ĐBSH là trung tâm về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của cả nước,

với vị trí địa lý thuận lợi, vùng ĐBSH trở thành trung tâm kinh tế năng động và đầu tàu kinh tế quan trọng của miền Bắc và của cả nước, thuận lợi trong phát triển công nghiệp công nghệ cao, điện tử, phần mềm,... Sự phân hóa địa hình thành các tiểu vùng khác nhau (tiểu vùng đồi núi, đồng bằng, tiểu vùng đất ngập nước) với đặc điểm thổ nhưỡng riêng biệt (đất đỏ vàng, đất xám bạc màu ở vùng đồi núi; đất phù sa, đất gley ở địa hình đồng bằng; đất mặn, đất phèn ở tiểu vùng đồng bằng ven biển...) tạo ra các tiểu vùng sản xuất với các dạng loại hình đặc thù: các tiểu vùng núi thấp, địa hình đá vôi ưu tiên bảo vệ rừng và đa dạng sinh học, các tiểu vùng đồi núi thấp phát triển rừng và cây công nghiệp, cây ăn quả; các tiểu vùng địa hình ven biển ngập nước lại có ưu thế bảo vệ, trồng rừng ngập mặn, nuôi trồng thủy sản nước mặn lợ; các tiểu vùng đồng bằng thường ưu tiên cho sản xuất nông nghiệp lúa màu và xen nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

Vùng ĐBSH với thế mạnh về diện tích đất chuyên trồng lúa nước và cây ăn quả lớn, có thể thực hiện quy hoạch thành các vùng chuyên canh có chất lượng cao phát triển các khu sản xuất nông nghiệp kết hợp chuỗi chế biến và tiêu thụ sản phẩm đảm bảo phát triển toàn diện. Vùng có nguồn tài nguyên cảnh quan đặc thù (cảnh quan đá vôi, cảnh quan núi, cảnh quan rừng ngập mặn) thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững. Vùng có những tài nguyên khoáng sản có tiềm năng khai thác ở quy mô lớn, đặc biệt là những tài nguyên phục vụ ngành công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng.

- Về điều kiện kinh tế - xã hội của vùng trong SDD và QHSDĐ

Vùng là nơi cung cấp nguồn nhân lực chất lượng

cao hàng đầu cả nước. Với trình độ dân trí cao, có nhiều trung tâm khoa học, nhiều trường đại học là điều kiện tốt để tiếp thu khoa học công nghệ và áp dụng khoa học kỹ thuật vào phát triển kinh tế. Trong vùng có nhiều ngành nghề truyền thống lâu đời, đây là một lợi thế để phát triển các nghề truyền thống hình thành các vùng sản xuất đặc thù.

Vùng có thế mạnh về kinh tế, các hoạt động sản xuất kinh doanh trong cả ba ngành nông nghiệp, công nghiệp và thương mại dịch vụ đều tương đối phát triển so với các vùng khác trong cả nước. Cơ cấu kinh tế các tỉnh trong vùng đang dần chuyển dịch với tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm ở mức dưới 10% tổng giá trị sản xuất của các ngành kinh tế. Đây là điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi cơ cấu SDD phù hợp với phát triển kinh tế, xã hội.

Vùng ĐBSH có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng, dân cư đông đúc, nguồn lao động dồi dào và mật độ dân trí cao [1].

3.1.2. Khó khăn của vùng trong sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất

Sự phân hóa địa hình cùng với lịch sử phát triển đề điều đã hình thành nhiều vùng, khu vực thấp, trũng nên vào mùa mưa bão, trong bối cảnh BĐKH thường xảy ra ngập úng ở từng địa phương. BĐKH và nước biển dâng kéo theo nhiều hệ lụy liên quan đến các tai biến thiên nhiên như xói mòn đất ở vùng đồi núi thấp, ngập úng ở vùng trũng, nhiễm mặn ở ven biển, hạn hán ở các vùng sản xuất nông nghiệp.

Trong cơ cấu SDD của vùng diện tích đất sản xuất nông nghiệp (chủ yếu là sản xuất lúa nước) chiếm tỷ lệ lớn (66,7%), trong khi đó dân số khu vực nông nghiệp không được đào tạo rất đông (69,5%) nên nhu cầu SDD cho sản xuất nông nghiệp vẫn được ưu tiên hàng đầu [3]. Tại các vùng nông thôn vấn đề giải quyết việc làm, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm không cao, đất nông nghiệp chưa được khai thác triệt để, còn tình trạng bỏ hoang ruộng. Sự phát triển nhanh các khu đô thị và khu công nghiệp đòi hỏi có một diện tích đất cần thiết đủ lớn để mở rộng không gian đã tác động không nhỏ tới sự giảm diện tích SDD nông nghiệp.

Hiện tại ở nước ta nói chung và vùng ĐBSH nói riêng chưa có chính sách phát triển kinh tế vùng, chưa có QHSDĐ cấp vùng nên việc LKV gặp nhiều khó khăn.

3.1.3. Những yêu cầu đặt ra đối với việc phân bố sử dụng đất

Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội vừa là nhân tố hỗ trợ, thúc đẩy, vừa gây ra những vấn đề khó khăn cho quá trình phát triển của vùng. Vì vậy, để giải quyết các vướng mắc, hạn chế, trong thời gian tới, các yêu cầu đặt ra đối với việc phân bố nguồn lực đất đai cho hoạt động sản xuất và ổn định xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường bao gồm:

- ĐBSH là nơi có điều kiện thuận lợi cho việc bố trí các vùng sản xuất cây lương thực. Hiện tại, diện tích đất trồng lúa tuy có xu hướng giảm dần do quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nhưng năng suất và chất lượng được nâng cao vẫn góp phần ổn định an ninh lương thực. Diện tích trồng lúa tại thời điểm năm 2015 là 1.110,9 nghìn ha, đến năm 2019 là 1.012,0 nghìn ha, năng suất sản xuất lúa năm 2015 đạt 57,6 tạ/ha, đến năm 2019 đạt 58,2 tạ/ha) [3].

- Việc mở rộng diện tích các loại cây ăn quả có giá trị đã đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của nhân dân đồng thời là nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Tuy nhiên, việc phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung vẫn còn mang tính chất cục bộ, phân tán, nhỏ lẻ, thiếu sự phối hợp đồng bộ, tập trung để tận dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở hạ tầng của các vùng sản xuất tập trung, cho nên cần thiết nghiên cứu để LKV, bố trí chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ hàng hóa nông sản theo khu vực, tận dụng lợi thế vùng.

- Với những vùng có nguy cơ nhiễm mặn sâu, cần nghiên cứu để chuyển đổi mục đích SDD sang các loại mục đích khác phù hợp, đảm bảo không để hoang phí đất đai, đặc biệt tại các khu vực: Nghĩa Hưng, Xuân Thủy, tỉnh Nam Định, Tiền Hải, Thái Thụy, tỉnh Thái Bình....

- Diện tích nuôi trồng thủy sản có xu hướng tăng nhanh, nhưng không gắn liền với cơ sở hạ tầng, xử lý chất thải, dẫn đến ô nhiễm môi trường, bùng phát dịch bệnh. Vì vậy, các tỉnh thành trong vùng cần có sự phối hợp trong việc xây dựng hệ thống thủy lợi để đảm bảo nguồn nước, tiêu thụ sản phẩm và xử lý ô nhiễm môi trường

- Thực tế cho thấy, địa phương chủ yếu quan tâm thu hút để lấp đầy diện tích các khu công nghiệp mà chưa có sự liên kết rõ rệt để tạo sự phân công về ngành nghề nhằm hỗ trợ cho việc hình thành các chuỗi nhằm có sự liên kết chặt chẽ.

- Nhìn ở cấp độ LKV, ĐBSH hiện chưa có quy hoạch hệ thống xử lý rác thải. Trong khi đó danh mục các công trình trọng điểm cấp quốc gia từ 2010 - 2020 chưa có công trình về xử lý chất thải, rác thải cho ĐBSH. Giải quyết vấn đề môi trường vốn không phụ thuộc vào “ranh giới hành chính tỉnh” nhưng thực tế vừa qua, mỗi tỉnh tự lo kêu gọi, đầu tư cho riêng mình, thiếu phối hợp liên tỉnh, liên vùng. Đa số các khu công nghiệp, khu chế biến thực phẩm, các khu dân cư đô thị và nông thôn còn thiếu các khu vực xử lý nước thải và rác thải.

- Diện tích đất cho phát triển công nghiệp tuy có tăng trong thời gian qua, nhưng tỷ lệ cho thuê trong các KCN còn thấp. Việc quy hoạch xây dựng các khu chế xuất, khu công nghệ cao không đáp ứng kịp thời nhu cầu SDD của các nhà đầu tư. Các KCN lớn, tốc độ đầu tư lấp đầy diện tích còn chậm (60%). Các KCN vừa và nhỏ có tốc độ đầu tư nhanh nhưng hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế. Các KCN thường bố trí sát đường giao thông, nhất là các trục giao thông quan trọng như quốc lộ 5 đã gây cản trở, ách tắc và tai nạn giao thông.

- Việc chỉnh trang, xây dựng các khu dân cư đô thị và nông thôn còn thiếu quy hoạch về kinh tế, kỹ thuật. Nhiều nơi chưa có quy hoạch khu dân cư và buông lỏng quản lý nên để dân cư sống phân tán dọc đường giao thông, kênh mương, bờ vùng,... gây khó khăn cho việc quản lý và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, điện nước,...

- Cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng còn thiếu, cũ, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển với tốc độ nhanh của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quỹ đất dành cho phát triển cơ sở hạ tầng, các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế,... chưa được bố trí thỏa đáng và hợp lý, nhiều nơi bị thu hẹp do bị lấn chiếm để sử dụng vào các mục đích khác.

- Để phát huy lợi thế thương mại quốc tế, trao đổi hàng hóa với các nước bạn, ngoài việc đa dạng hóa, nâng cấp các trung tâm thương mại hiện có cần phải tiếp tục đầu tư xây dựng thêm các trung tâm

thương mại mới có quy mô lớn hiện đại, phát triển mạnh hệ thống giao thông nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu, vận tải hàng hóa.

3.2. Xác định nội dung liên kết vùng, biến đổi khí hậu và những chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng

Các yếu tố LKV gắn với SDD vùng ĐBSH gồm các yếu tố chính sau: LKV trong SDD phát triển cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi,...), SDD phát triển công nghiệp, phát triển đô thị; LKV trong SDD nông nghiệp (đất lúa, đất trồng cây lâu năm, đất rừng, nuôi trồng thủy sản); LKV trong bảo vệ tài nguyên và môi trường (đất lâm nghiệp, đất bãi thải, xử lý chất thải).

Các yếu tố BĐKH ảnh hưởng đến SDD vùng ĐBSH là các yếu tố: Sự gia tăng nhiệt độ, nước biển dâng, hạn hán, xâm nhập mặn, thiên tai (bão, sạt lở đất, sạt lở bờ biển) [2].

Để xây dựng được định hướng và QHSDD các cấp trong mối LKV và thích ứng BĐKH đảm bảo phát triển bền vững cần thiết có bộ chỉ tiêu SDD. Tổng quan nghiên cứu cho thấy đã có khá nhiều bộ chỉ tiêu SDD các cấp được xây dựng và nghiên cứu hoàn thiện trong nhiều năm qua, tuy nhiên chưa có bộ chỉ tiêu SDD nào lồng ghép đầy đủ yếu tố LKV và thích ứng BĐKH. Các phương án QHSDD những năm gần đây của một số địa phương cũng đã phân tích một số ảnh hưởng của BĐKH tới SDD, đề xuất một số giải pháp SDD nhằm thích ứng với BĐKH nhưng chưa thực sự khoanh vùng các khu vực bị ảnh hưởng, chưa xác định cụ thể loại đất bị ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng. Bộ chỉ tiêu SDD bao gồm các chỉ tiêu SDD có LKV và các chỉ tiêu khu vực ảnh hưởng BĐKH sẽ đảm bảo QHSDD đồng bộ, hợp lý và hiệu quả cao trong giai đoạn hiện nay và tương lai đảm bảo nguyên tắc SDD tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.

Trên cơ sở tổng hợp và phân tích thực trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, thực trạng về LKV và BĐKH của vùng ĐBSH có thể lựa chọn các chỉ tiêu SDD trong quy hoạch tỉnh vùng ĐBSH tương ứng với các lĩnh vực liên kết (Bảng 2).

Bảng 2. Tổng hợp nội dung LKV, BĐKH và những chỉ tiêu SDD trong quy hoạch tỉnh vùng ĐBSH

LKV và BĐKH	Chỉ tiêu SDD trong quy hoạch tỉnh
1. LKV trong phát triển kinh tế - xã hội	
Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, liên tỉnh (đường cao tốc, đường quốc lộ; đất sân bay, cảng đường thủy, hải cảng, hệ thống thủy lợi, cấp nước, hệ thống y tế, giáo dục,...)	Chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng đất giao thông
LKV trong phát triển công nghiệp, khai thác khoáng	Chỉ tiêu đất khu công nghiệp, đất khu chế xuất, đất

sản	cum công nghiệp, đất thương mại dịch vụ, Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
LKV trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chuỗi giá trị	Chỉ tiêu đất sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ
LKV trong đảm bảo an ninh lương thực	Chỉ tiêu đất trồng lúa nước
LKV trong sản xuất rau - màu tập trung (liên tỉnh, liên huyện)	Chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm
LKV trong phát triển cây lâu năm và tiêu thụ sản phẩm (ví dụ: nhãn, vải,...)	Chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm
LKV trong nuôi trồng thủy sản	Chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản
LKV trong phát triển đô thị	Chỉ tiêu đất đô thị
LKV trong phát triển du lịch	Chỉ tiêu đất khu du lịch
2. LKV trong bảo vệ tài nguyên, môi trường	
LKV trong bảo vệ và phát triển đất rừng	Chỉ tiêu LKV đối với đất lâm nghiệp (rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng)
LKV trong bảo vệ các khu cảnh quan thiên nhiên, vườn quốc gia, bảo tồn đa dạng sinh học	Chỉ tiêu LKV đối với đất khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
LKV trong xử lý chất thải nguy hại, ô nhiễm môi trường	Chỉ tiêu LKV đối với đất bãi thải, xử lý chất thải
3. Ứng phó với BĐKH trong QHSDĐ	
Ứng phó với tình trạng nước biển dâng	Chỉ tiêu vùng nguy cơ diện tích đất bị ngập do nước biển dâng
Ứng phó với tình trạng xâm nhập mặn	Chỉ tiêu vùng nguy cơ diện tích đất bị mặn hóa
Ứng phó với thiên tai (bão, lũ lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ biển)	Chỉ tiêu vùng nguy cơ đối với kịch bản diện tích đất bị hạn hán. Chỉ tiêu khu vực có nguy cơ sạt lở, khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi bão, khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi lũ lụt
Thích ứng với điều kiện bồi tụ ven sông, biển	Chỉ tiêu vùng bồi tụ

3.3. Kết quả phân tích từ số liệu điều tra

3.3.1. Kết quả từ phiếu điều tra xã hội học

Bảng 3. Tổng hợp mức độ ảnh hưởng của yếu tố LKV và BĐKH đến QHSDĐ

Mức độ ảnh hưởng	Tần số xuất hiện (phiếu)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ hợp lệ (%)	Tỷ lệ tích lũy (%)
1. Yếu tố LKV				
Có	242	95,6	95,6	95,6
Không	11	4,4	4,4	
Tổng	253	100,0	100,0	95,6
2. Yếu tố biến đổi khí hậu				
Có	241	95,3	95,3	95,3
Không	12	4,7	4,7	
Tổng	253	100,0	100,0	95,3

Từ những phân tích trên, đã thành lập mẫu phiếu điều tra về các yếu tố LKV và BĐKH trong việc lập phương án QHSDĐ. Kết quả điều tra xã hội học đã thu được số lượng là 253 phiếu trong đó có 84 phiếu điều tra trực tiếp và 169 phiếu điều tra online bằng đường link (<https://forms.gle/Htgdvpgj1KyaAyS2A>) gửi tới những người được lựa

chọn phỏng vấn trả lời trực tiếp phiếu khảo sát ý kiến trên mạng internet. Kết quả điều tra được tổng hợp tại bảng 3.

Kết quả điều tra cho thấy có tới 95,6% phiếu đánh giá cho rằng yếu tố LKV có ảnh hưởng đến QHSDĐ. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của LKV trong QHSDĐ. Các dạng LKV được ghi nhận là có ảnh hưởng vừa đến ảnh hưởng nhiều trong QHSDĐ đó là: Liên kết về chính sách và quản trị, liên kết về xây dựng quy hoạch, kế hoạch, liên kết về xây dựng cơ sở hạ tầng, liên kết công nghiệp - nông nghiệp, liên kết khu vực nông thôn - đô thị, liên kết để bảo vệ tài nguyên và môi trường. Tương tự như vậy đối với yếu tố BĐKH, kết quả 95,3% ý kiến cho rằng các yếu tố BĐKH có ảnh hưởng đến QHSD đất.

Tiến hành điều tra chi tiết hơn (với tổng số phiếu điều tra 253 phiếu) khi xây phương án QHSD đất của địa phương đã có tính đến các yếu tố LKV và BĐKH hay chưa và đề nghị có 3 phương án trả lời (1. Đã tính đến; 2. Đã tính đến nhưng chưa đầy đủ; 3. Chưa tính đến). Kết quả cho thấy đối với yếu tố LKV: Trong 253 phiếu số lượng những câu trả lời tập trung ở phương án 2 đạt 71,9%; phương án 3 chỉ đạt 15,4%.

Có thể thấy việc lập QHSDĐ hiện nay tại các địa phương đã tính đến các yếu tố LKV, tuy nhiên vẫn còn chưa được thực hiện một cách đầy đủ. Việc LKV hầu hết chỉ mới được đưa vào phương án QH thông qua việc phân tích các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội (TN - KTXH) của các cấp QH mà chưa tính toán cụ thể sự ảnh hưởng của các yếu tố liên kết trong việc phân bổ và khoanh vùng, lựa chọn vị trí quy hoạch khu đất.

Đối với yếu tố BĐKH, kết quả điều tra cho thấy nhận thức của các cán bộ trong ngành đều rất rõ ràng về sự ảnh hưởng của BĐKH tới SĐĐ và QHSDĐ. Tuy nhiên, chưa được tính đến một cách chi tiết trong các phương án QHSDĐ của các địa phương. Điều này được thể hiện thông qua số liệu phân tích với số phiếu lựa chọn phương án 2 là 75,9% và phương án 3 là 14,2%. Các yếu tố BĐKH ảnh hưởng đến SĐĐ và QHSDĐ được thể hiện tại bảng 4.

Kết quả đánh giá sự ảnh hưởng của BĐKH tới SĐĐ đều từ mức độ có ảnh hưởng trở lên, tỷ lệ đồng ý với câu trả lời “Không ảnh hưởng” rất nhỏ. Một số yếu tố được đánh giá có tác động mạnh mẽ đến SĐĐ đó là gia tăng nhiệt độ, nước biển dâng, ngập lụt và xâm nhập mặn. Tỷ lệ 244/253 phiếu (96,4%) cho thấy

sự cần thiết phải hoàn thiện bộ chỉ tiêu SĐĐ trong QHSDĐ nhằm tính toán các yếu tố LKV và ảnh hưởng của BĐKH trong QHSDĐ.

Bảng 4. Tổng hợp các yếu tố BĐKH ảnh hưởng tới SĐĐ và QHSDĐ

STT	Các yếu tố BĐKH	Mức độ ảnh hưởng (số phiếu)			
		Không ảnh hưởng	Ảnh hưởng ít	Ảnh hưởng vừa	Ảnh hưởng nhiều
1	Gia tăng nhiệt độ	4	22	126	101
2	Hạn hán	1	67	91	94
3	Nước biển dâng	7	25	84	137
4	Ngập lụt	3	14	90	146
5	Xói mòn	1	83	82	87
6	Trượt lở đất	5	71	94	83
7	Xâm nhập mặn	10	33	100	110
8	Thiên tai, bão lũ	3	62	91	97
	Tổng số 253 phiếu				

3.3.2. Áp dụng phương pháp Delphi xác định bộ chỉ tiêu SĐĐ cấp tỉnh

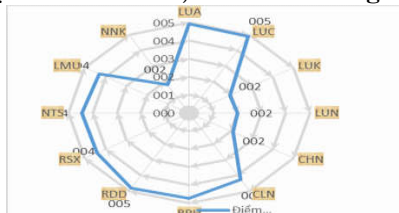
- *Kết quả Delphi vòng thử nghiệm:* Kết quả đề xuất Delphi vòng thử nghiệm với 3 nhóm tiêu chí: TN - KTXH, nhóm LKV và nhóm ảnh hưởng BĐKH được thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5. Đề xuất các nhóm tiêu chí SĐĐ Delphi vòng thử nghiệm

Nhóm tiêu chí	Các chỉ tiêu
(1) Nhóm tiêu chí về TN - KTXH	Các chỉ tiêu theo mục đích SĐĐ
(2) Nhóm tiêu chí về LKV	Nhóm chỉ tiêu về các khu chức năng SĐĐ
(3) Nhóm tiêu chí liên quan BĐKH	Các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi BĐKH

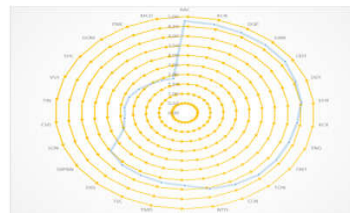
- Kết quả Delphi vòng 1

* Nhóm tiêu chí TN - KTXH về đất nông nghiệp: Chỉ tiêu “Đất trồng lúa” ở mức 5 có 28/30 phiếu, chỉ tiêu “Đất chuyên trồng lúa nước” có số phiếu ở mức 5 là 27/30 phiếu. Đối với hai chỉ tiêu “Đất trồng lúa nương và đất trồng lúa còn lại” không có phiếu ở mức điểm 4 và điểm 5, số phiếu tập trung ở mức điểm 2. Chỉ tiêu “Đất trồng cây hàng năm khác cũng không được cho điểm cao, mức điểm trung bình là



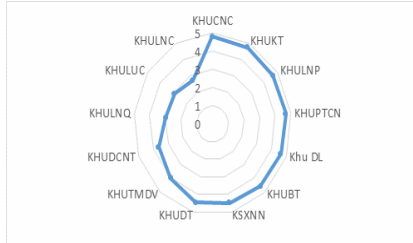
Hình 1. Điểm trung bình nhóm tiêu chí TN - KTXH đối với đất nông nghiệp

2,0 điểm. Chỉ tiêu “Đất trồng cây lâu năm” được cho điểm cao với mức độ trung bình là 4,27 điểm. Ba chỉ tiêu về đất lâm nghiệp bao gồm: “Đất rừng phòng hộ”, “Rừng đặc dụng” và “Đất rừng sản xuất” đều có điểm số cao trên 4. Tại nhóm này, các chỉ tiêu được chọn để vào vòng 2 bao gồm: Đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất (Hình 1).



Hình 2. Điểm trung bình nhóm tiêu chí TN - KTXH đối với đất phi nông nghiệp

* Nhóm tiêu chí TN - KTXH về đất phi nông nghiệp: Tại nhóm này, các chỉ tiêu được chọn để vào vòng 2 bao gồm: “Đất quốc phòng”, “Đất an ninh”, “Đất khu công nghiệp”, “Đất khu chế xuất”, “Đất cụm công nghiệp”, “Đất thương mại dịch vụ”, “Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp”, “Đất sử dụng cho



Hình 3. Điểm trung bình nhóm tiêu chí liên quan đến LKV

* Nhóm tiêu chí liên quan LKV: Tại nhóm này, các chỉ tiêu được chọn vào vòng 2 bao gồm: Đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế, đất khu lâm nghiệp, đất khu phát triển công nghiệp, đất khu du lịch, đất khu sản xuất nông nghiệp, đất khu đô thị, đất khu thương mại - dịch vụ, đất khu dân cư nông thôn.

* Nhóm tiêu chí thích ứng với BĐKH: Tại nhóm này, các chỉ tiêu được chọn để vào vòng 2 bao gồm: “Khu vực có nguy cơ sạt lở”, “Khu vực có nguy cơ bị xâm nhập mặn”, “Khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi nước biển dâng”, “Khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi lũ lụt”, “Khu vực có nguy cơ khô hạn”.

- Kết quả Delphi vòng 2: Kết quả Delphi vòng 2 xác định mức độ đồng thuận và mức độ tin tưởng của các chuyên gia đã tham gia trả lời ở vòng 1 với mức đồng thuận cho thấy:

+ Tiêu chí liên quan đến LKV bao gồm các chỉ tiêu: Đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế, đất khu lâm nghiệp, đất khu phát triển công nghiệp, đất khu du lịch, đất khu sản xuất nông nghiệp, đất khu đô thị, đất khu thương mại - dịch vụ, đất khu dân cư nông thôn có điểm đánh giá trung bình (wMean) cao nhất (4,57).

+ Tiêu chí thích ứng với BĐKH bao gồm các chỉ tiêu: “Khu vực có nguy cơ sạt lở”, “Khu vực có nguy cơ bị xâm nhập mặn”, “Khu vực có nguy cơ bị ảnh

mục đích khoáng sản”, “Đất phát triển hạ tầng”, “Đất di tích, lịch sử - văn hóa”, “Đất danh lam, thắng cảnh”, “Đất bãi thải xử lý chất thải”, “Đất ở tại nông thôn”, “Đất ở tại đô thị”, “Đất xây dựng trụ sở cơ quan”, “Đất xây dựng tổ chức sự nghiệp”, “Đất cơ sở tôn giáo”, “Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa” (Hình 2).



Hình 4. Điểm trung bình nhóm tiêu chí liên quan BĐKH

(Nguồn: Kết quả tổng hợp từ quá trình tham vấn ý kiến chuyên gia)

hưởng bởi nước biển dâng”, “Khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi lũ lụt”, “Khu vực có nguy cơ hạn hán” có điểm đánh giá trung bình (wMean) là 4,43.

+ Tiêu chí tự nhiên, kinh tế, xã hội bao gồm các chỉ tiêu: Đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm khác, đất NTTS, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất, đất quốc phòng, đất an ninh, đất khu công nghiệp, đất khu chế xuất, đất cụm công nghiệp, đất thương mại dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sử dụng cho mục đích khoáng sản, đất phát triển hạ tầng, đất di tích, lịch sử - văn hóa, đất danh lam, thắng cảnh, đất bãi thải xử lý chất thải, đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng tổ chức sự nghiệp, đất cơ sở tôn giáo, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ có điểm đánh giá trung bình (wMean) là 4,40.

Bảng 6. Giá trị chỉ số Kendail's W

n	Kendail' W	P	Mức độ xác định đồng thuận	Mức độ tin tưởng
24	0,607	0,001	Mạnh	Cao

(Nguồn: Tổng hợp kết quả phân tích số liệu)

Bảng 7. Thống kê kết quả đánh giá Delphi vòng 2 cho từng nhóm tiêu chí

Nhóm tiêu chí	Số chuyên gia	Điểm số thấp nhất (min)	Điểm số cao nhất (Max)	Điểm trung bình (wMean)	Độ lệch chuẩn
Nhóm tiêu chí về tự nhiên, kinh tế, xã hội	30	2	5	4,40	0,724
Nhóm tiêu chí LKV	30	3	5	4,57	0,568
Nhóm tiêu chí thích ứng BĐKH	30	2	5	4,43	0,817

(Nguồn: Tổng hợp kết quả phân tích số liệu)

Kết quả phân tích hệ số tương quan Kendail's W bằng 0,607 thuộc khoảng 0,5 - 0,7 (được tính toán sau quá trình phân tích và tổng hợp câu trả lời bằng phần mềm SPSS) phản ánh mức đồng thuận giữa các chuyên gia là mạnh, mức độ tin cậy cao, có ý nghĩa thống kê.

3.4. Đề xuất chỉ tiêu SĐĐ trong quy hoạch các tỉnh vùng ĐBSH

Trên cơ sở kế thừa hệ thống chỉ tiêu SĐĐ theo quy định hiện hành; thông qua kết quả phân tích, nghiên cứu về cơ sở lý luận và các số liệu điều tra, thu thập thực tiễn, nghiên cứu đã đề xuất bộ chỉ tiêu

SĐĐ trong quy hoạch tỉnh theo ba tiêu chí phân loại: (i) Tiêu chí TN - KTXH; (ii) Tiêu chí LKV; (iii) Tiêu chí thích ứng BĐKH nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý đất đai, đảm bảo SĐĐ dài hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và có tính LKV. Các chỉ tiêu SĐĐ được xây dựng theo đúng quy định hiện hành với 3 hình thức là các chỉ tiêu được phân bổ; các chỉ tiêu được xác định và các chỉ tiêu được xác định bổ sung. Hệ thống các chỉ tiêu SĐĐ trong quy hoạch tỉnh vùng ĐBSH có tính đến mỗi LKV và biến đổi khí hậu được thể hiện tại bảng 8.

Bảng 8. Chỉ tiêu SĐĐ trong quy hoạch tỉnh có tính đến các yếu tố LKV và BĐKH

STT	Chỉ tiêu SĐĐ	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ	Chỉ tiêu được xác định	Chỉ tiêu được xác định bổ sung
I	Mục đích SĐĐ chi tiết				
1	<i>Đất nông nghiệp</i>	<i>NNP</i>	x	0	x
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	x	0	x
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>x</i>	<i>0</i>	<i>x</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0	x	0
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	x	0	x
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	x	0	x
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	x	0	x
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0	x	0
2	<i>Đất phi nông nghiệp</i>	<i>PNN</i>	x	0	x
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	x	0	0
2.2	Đất an ninh	CAN	x	0	0
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	x	0	0
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0	x	0
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0	x	0
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0	x	0
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0	x	0
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	x	x	0
2.9	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	x	x	0
2.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	x	0	x
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0	x	0
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	0	x	0
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	0	x	0
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0	x	0
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0	x	0
2.16	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0	x	0
2.17	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0	x	0
2.18	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0	x	0
3	<i>Đất chưa sử dụng</i>	<i>CSD</i>	x	0	x
II	Phân khu chức năng				
1	Khu công nghệ cao	KCN	x	0	0
2	Khu kinh tế	KKT	x	0	0

3	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	0	x	0
4	Khu lâm nghiệp	KLN	0	x	0
5	Khu du lịch	KDL	0	x	0
6	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	0	x	0
7	Khu phát triển công nghiệp	KPC	0	x	0
8	Khu đô thị	DTC	0	x	0
9	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	0	x	0
10	Khu dân cư nông thôn	DNT	0	x	0
4	Khu thích ứng với BĐKH				
1	Khu vực có nguy cơ sạt lở	KSL		x	
2	Khu vực có nguy cơ bị xâm ngập mặn	KXNM		x	
3	Khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi nước biển dâng	KNBD		x	
4	Khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi lũ lụt	KLL		x	
5	Khu vực có nguy cơ hạn hán	KHH		x	

3.5. Thảo luận và định hướng giải pháp

3.5.1. Thảo luận về bộ tiêu chí đề xuất

- Bộ chỉ tiêu SDD từ trước đến nay chưa xác định các chỉ tiêu SDD đặc thù theo vùng, miền do đó khi thực hiện QHSDĐ gặp khó khăn nên không khai thác được tiềm năng của từng vùng, từng địa phương. Mặt khác, quy định về QHSDĐ được lập theo đơn vị hành chính không đảm bảo tính kết nối liên vùng, không phát huy được thế mạnh của từng vùng và bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các vùng; QHSDĐ chưa thực hiện phân vùng chức năng SDD theo không gian mà mới chỉ chú ý đến việc phân bổ các chỉ tiêu loại đất theo mục đích sử dụng. Hiện tại, theo Luật Quy hoạch, trong hệ thống QHSDĐ không còn QHSDĐ cấp tỉnh mà lồng ghép trong quy hoạch tỉnh thực hiện khoanh vùng và phân bổ đất đai. Theo đó Thông tư 01/2021/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng không quy định về chỉ tiêu QHSDĐ cấp tỉnh. Trong bộ chỉ tiêu SDD đề xuất, đất đai được phân loại theo không gian sử dụng, bao gồm đất khu kinh tế; đất khu công nghệ cao; đất khu vực sản xuất nông nghiệp; đất khu vực lâm nghiệp; đất đô thị; đất khu dân cư nông thôn; đất khu bảo tồn thiên nhiên; đất khu du lịch; đất thương mại dịch vụ và đất phát triển khu công nghiệp. Mỗi loại đất có đặc điểm, tính chất khác nhau nên được sử dụng cho các mục đích khác nhau, đồng thời có cơ chế quản lý khác nhau nhằm khai thác tối đa lợi thế của từng loại đất cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng. Ngoài ra, phân loại đất theo mục đích sử dụng cũng có các loại đất có tính LKV như: Đất chuyên trồng lúa nước; đất rừng phòng hộ; đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên; đất phát triển hạ tầng kỹ thuật; đất sử dụng cho hoạt

động khoáng sản; đất bãi thải, xử lý chất thải; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; đất di tích, danh thắng.

- Việc tích hợp yếu tố BĐKH vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch SDD mới chỉ là hoạt động rà soát, điều chỉnh, bổ sung cho các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch đó, bao gồm chủ trương, chính sách, cơ chế, tổ chức có liên quan đến việc thực hiện chiến lược, quy hoạch và kế hoạch, các nhiệm vụ và sản phẩm cũng như các phương tiện, điều kiện thực hiện cho phù hợp với xu thế BĐKH, các hiện tượng khí hậu cực đoan và những tác động trước mắt và lâu dài của chúng đối với tài nguyên đất. Việc đưa cụ thể các chỉ tiêu thích ứng với BĐKH vào các phương án QHSDĐ chưa được thực hiện, do đó trong các bản phương án quy hoạch không chỉ rõ được không gian của các khu vực bị ảnh hưởng dẫn đến việc bố trí các công trình chưa thích ứng với BĐKH. Bảng chỉ tiêu mới đã đưa cụ thể chỉ tiêu về khu thích ứng BĐKH bao gồm: Khu đất có nguy cơ sạt lở; khu đất có nguy cơ lũ lụt; khu đất bị ảnh hưởng bởi nước biển dâng; khu đất có nguy cơ khô hạn; khu đất ảnh hưởng của xâm nhập mặn. Với chỉ tiêu được xác định cụ thể như trên, khi thực hiện phương án QHSDĐ sẽ khoanh vùng các khu vực nguy cơ trước khi bố trí các mục đích SDD chi tiết.

3.5.2. Định hướng giải pháp SDD trong quy hoạch tỉnh có tính đến LKV và BĐKH

- QHSDĐ các cấp cần phải được xây dựng trên nguyên tắc bắt buộc thực hiện việc liên kết vùng và lồng ghép, tích hợp các yếu tố biến đổi khí hậu thông qua bảng chỉ tiêu phân bổ đất cụ thể đã được xác định.

- Quy định trong Luật Đất đai một số nội dung về quản lý đất đai ở cấp vùng, đặc biệt đối với một số loại đất có tính chất liên vùng như đất trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ, đất xây dựng cơ sở hạ tầng. Trong các văn bản pháp luật cần cụ thể hoá cơ chế phối hợp, liên kết khi xây dựng phương án quy hoạch giữa các Bộ/ngành và địa phương trong từng vùng.

4. KẾT LUẬN

Bảng chỉ tiêu SDD trong quy hoạch tỉnh có tính đến mối LKV và BĐKH cho vùng ĐBSH được xác định dựa trên cơ sở khoa học và sử dụng phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp Delphi với mục tiêu trích xuất chung ý kiến của nhóm chuyên gia về QHSDĐ và đi đến thống nhất về bộ chỉ tiêu SDD. Bảng chỉ tiêu SDD được xây dựng dựa trên 3 tiêu chí: (i) Tiêu chí tự nhiên, kinh tế - xã hội với 24 chỉ tiêu mục đích SDD; (ii) Tiêu chí LKV gồm 8 chỉ tiêu phân khu chức năng (khu sản xuất nông nghiệp, khu lâm nghiệp, khu phát triển công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khu dân cư nông thôn, 2 chỉ tiêu do QHSDĐ cấp Quốc gia phân bổ); (iii) Tiêu chí thích ứng với BĐKH gồm 6 chỉ tiêu khu vực thích ứng (khu vực có nguy cơ sạt lở, khu vực có nguy cơ bị xâm ngập mặn, khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi

nước biển dâng, khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi lũ lụt, khu vực có nguy cơ hạn hán).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Thế Anh (2020). Nghiên cứu, đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên đất vùng ĐBSH và đề xuất các giải pháp chủ động ứng phó. Báo cáo Đề tài độc lập cấp Quốc gia - Mã số: ĐT ĐLCN.48/16.
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016). Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam, Nhà xuất bản Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
3. Tổng cục Thống kê (2019). Niên giám Thống kê 2018. NXB Thống kê, Hà Nội.
4. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013). Luật Đất đai 2013.
5. Hayes, T. (2007). Delphi study of the future of marketing of higher education. .
6. Schmidt (1997). Managing Delphi Surveys Using Nonparametric Statistical Techniques, Journal of Business Research 60, 927-931, Volume28, Issue3
7. Các website:
<https://www.projectsmart.co.uk/delphi-technique-a-step-by-step-guide.php>
<https://www.investopedia.com/terms/d/delphi-method.asp>

A STUDY ON THE ON DETERMINATION OF LAND USE INDICATORS IN PROVINCIAL PLANNING TAKING INTO ACCOUNT INTERREGIONAL LINKAGE FACTORS AND CLIMATE CHANGE FOR THE RED RIVER DELTA

Vu Le Ha, Nguyen Cao Huan, Thai Thi Quynh Nhu

Summary

Currently, the provincial administrative units are developing provincial plans for 2021 to 2030 with visions to 2045, working on the principle that the planning of all sectors and provincial administrative units are integrated on a master plan, in which land use planning must show the land use needs of all activities in the province. Although the spatial zoning of land use functions and the assessment of the impacts of climate change on land use have been mentioned in the Land use planning, the theoretical and methodological basis is not clear, leading to the uncertainty of the validity of the linkage in land use, which has not been able to promote its strengths as well as ensure the harmonious development of sustainable regions in the context of climate change. The author uses the Delphi method which is a technique used to predict a particular problem in the future or make decisions, facilitate consensus building in the group and enhance creativity workgroup. In the article, Delphi method is used to get opinions of the experts about set of land use planning indicators. The research results focus on completing the system of land use planning indicators in the provincial planning for the provinces of the Red River Delta from the perspective of regional linkages and climate change. The system of land use planning indicators includes 3 criterias: Natural, Socio-economic with 24 indicators for land use; regional linkage criteria include 08 indicators about functional subdivisions and climate change adaptation criteria include 6 adaptation areas.

Keywords: *Land use planning, regional linkages, climate change, Red River delta.*

Người phản biện: PGS.TS. Trần Minh Tến

Ngày nhận bài: 7/5/2021

Ngày thông qua phản biện: 8/6/2021

Ngày duyệt đăng: 15/6/2021